

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GÓC

Chấp nhận tiêm vắc xin phòng COVID-19 và một số yếu tố liên quan của giáo viên tỉnh Tuyên Quang năm 2021

Phạm Quốc Thành^{1*}, Phí Thị Hương Liên¹, Vũ Chí Thành², Hà Văn Như¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Xác định tỷ lệ chấp nhận tiêm vắc xin phòng COVID-19 và một số yếu tố liên quan của giáo viên tỉnh Tuyên Quang năm 2021.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu cắt ngang trên 9471 giáo viên đang làm việc tại các trường từ mầm non đến trung học phổ thông của tỉnh Tuyên Quang, với tỷ lệ từ chối là 0,13%. Thời gian thu thập từ ngày 1 đến ngày 10 tháng 6 năm 2021, thông qua nền tảng google form. Số liệu được phân tích bằng phần mềm Stata 13.0.

Kết quả: Tỷ lệ chấp nhận tiêm vắc xin phòng Covid-19 của giáo viên tỉnh Tuyên Quang là 87,6%. Các yếu tố liên quan đến tỷ lệ chấp nhận tiêm vắc xin Covid-19 bao gồm: Nhóm trên 30 tuổi, giới tính nam, hiện không mắc bệnh mãn tính, và có niềm tin về sự an toàn hiệu quả của vắc xin.

Kết luận: Giáo dục truyền thông tăng hiểu biết về vắc xin nói chung, hiệu quả và lợi ích của vắc xin nói riêng cần được duy trì và tăng cường cho giáo viên trẻ, giáo viên có bệnh mãn tính. Kênh truyền thông hữu ích nhất là cán bộ y tế, truyền hình, báo điện tử và internet cho giáo viên. Các nghiên cứu tiếp theo nên mở rộng đối tượng nghiên cứu, và xác định các rào cản trong việc chấp nhận tiêm phòng.

Từ khóa: Chấp nhận tiêm vắc xin COVID-19; giáo viên, tỉnh Tuyên Quang.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo số liệu của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), tính đến 10/7/2021, trên toàn thế giới đã đã có hơn 185 triệu người mắc Covid-19, hơn 4 triệu người tử vong (1). Riêng tại Việt Nam, tính đến 10/07/2021 cả nước có 21.560 bệnh nhân và 104 người tử vong do COVID-19 (2). Tại Việt Nam, vắc xin COVID-19 bắt đầu được tiêm vào ngày 8 tháng 3 năm 2021, cho đến ngày 8 tháng 6 năm 2021 đã có trên 1,4 triệu người được tiêm ít nhất một mũi vắc xin. Mặc dù được Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và chính phủ các nước trên toàn thế giới khẳng định hiệu quả của

vắc xin trong phòng COVID-19 và làm giảm mức độ trầm trọng của bệnh, giảm tử vong, và là biện pháp phòng bệnh có tính quyết định. Tuy nhiên, một số nghiên cứu trên thế giới cho thấy tỷ lệ người dân chấp nhận tiêm vắc xin phòng COVID-19 còn thấp như ở Jordan 37,4% sẵn sàng chấp nhận tiêm vắc xin (3), Kuwait là 53,1% (4), và tại Trung Đông là 63,5% (3). Thực tế tại một số nước đã triển khai tiêm chủng rộng rãi, khi tỷ lệ tiêm chủng chưa đạt miễn dịch cộng đồng, tốc độ tiêm chủng đã bắt đầu chậm lại do nhiều người không muốn tiêm vắc xin. Trên thế giới cũng như tại Việt Nam, chưa có nghiên cứu nào đối với giáo viên, những người



*Địa chỉ liên hệ: Phạm Quốc Thành
Email: pqt@huph.edu.vn

¹Trường Đại học Y tế công cộng,

²Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang

Ngày nhận bài: 13/9/2021

Ngày phản biện: 23/9/2021

Ngày đăng bài: 30/12/2021

Mã DOI: <https://doi.org/10.38148/JHDS.0506SKPT21-040>

thường xuyên tiếp xúc với nhiều học sinh, nếu giáo viên bị mắc bệnh sẽ có khả năng lây bệnh cho nhiều người. Tuyên Quang là một tỉnh miền núi và là một trong các tỉnh có tỷ lệ tiêm vắc xin phòng Covid-19 thấp (3%, vào tháng 5 năm 2021) (4). Chính vì vậy, nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định tỷ lệ chấp nhận tiêm vắc xin phòng COVID-19 và một số yếu tố liên quan ở giáo viên mầm non đến cấp III tại tỉnh Tuyên Quang. Kết quả nghiên cứu sẽ giúp ban lãnh đạo tỉnh và đơn vị liên quan có bước chuẩn bị tốt hơn khi Việt Nam triển khai thực hiện tiêm chủng vắc xin Covid-19 toàn quốc.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng thiết kế nghiên cứu cắt ngang.

Địa điểm và thời gian: Tại tỉnh Tuyên Quang từ ngày 1 đến 10 tháng 6 năm 2021.

Đối tượng nghiên cứu: 9471 giáo viên đang làm việc tại các trường từ mầm non đến trung học phổ thông của tỉnh Tuyên Quang,

Cỡ mẫu và chọn mẫu: Phương pháp chọn mẫu hòm tuyết lăn trên đối tượng nghiên cứu là giáo viên đang công tác tại các trường từ mầm non đến trung học phổ thông của tỉnh Tuyên Quang. Sau khi được sự đồng ý của Sở giáo dục tỉnh Tuyên Quang, thư mời tham gia nghiên cứu kèm theo bộ câu hỏi được gửi tới một số giáo viên thuộc trường THPT Tân Trào, Trung học cơ sở Tân Trào, Trường tiểu học Tân Trào và mầm non Tân Trào, để mời tham gia nghiên cứu, từ đó các giáo viên này gửi bộ câu hỏi tới các giáo viên khác trong mạng lưới của họ để mời tham gia nghiên cứu. Việc gửi thư tiếp tục cho đến hết ngày 10 tháng 6 năm 2021 thì ngừng thu thập số liệu.

Các biến số nghiên cứu: Nhóm biến số bao gồm: Nhóm biến số về đặc điểm nhân khẩu học và sức khỏe của đối tượng nghiên cứu, nhóm biến số về hiểu biết, thái độ đối với vắc xin phòng

COVID-19 và biến số phụ thuộc là chấp nhận/ không chấp nhận tiêm vắc xin phòng COVID-19.

Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu

Bộ câu hỏi được thiết kế trên nền tảng trực tuyến Google form và được gửi đến Sở giáo dục & Đào tạo tỉnh Tuyên Quang xin ý kiến chấp thuận. Thư mời tham gia nghiên cứu được gửi đến một số giáo viên trong tỉnh, từ đó các giáo viên tiếp tục mời các giáo viên khác trong mạng lưới của các thầy cô giáo biết thông qua email, zalo hoặc facebook. Sau khi đọc thư mời, nếu giáo viên đồng ý tự nguyện tham gia nghiên cứu sẽ bắt đầu trả lời các câu hỏi thông qua đường liên kết có trong thư mời. Nội dung bộ câu hỏi dựa trên một số nghiên cứu trên thế giới và những kiến thức hiện có về vắc xin phòng COVID-19 (5-8).

Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu định lượng được làm sạch và phân tích bằng phần mềm Stata 13.0. Phân tích mô tả tần số và tỷ lệ các biến về nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu. Sử dụng mô hình hồi quy logistic để xác định mối liên quan giữa biến đầu ra là “chấp nhận tiêm vắc xin COVID-19” với các đặc điểm của ĐTNC và một số biến về hiểu biết và thái độ đối với vắc xin.

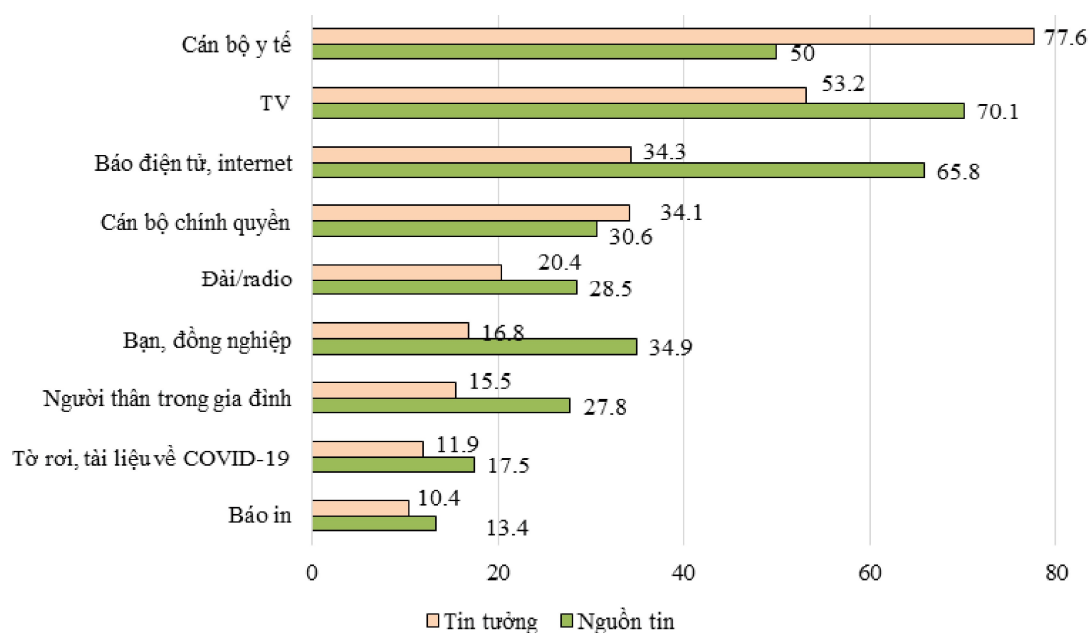
Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu được thông qua Hội đồng đạo đức trong NCYSH Trường ĐH Y tế công cộng theo Quyết định số 204/2021/YTCC-HD3, ngày 6/5/2021.

KẾT QUẢ

Tổng số 9506 giáo viên đã trả lời bộ câu hỏi với 9483 phiếu hợp lệ, tỷ lệ từ chối là 0,13% (12 phiếu). Tổng số giáo viên trả lời đầy đủ và hợp lệ bộ câu hỏi là 9471 người, chiếm 71,1% tổng số giáo viên hiện có của tỉnh Tuyên Quang. Một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu được trình bày trong bảng 1.

Bảng 1. Một số đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm/Cấp học	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Tổng
n	3019	2971	2111	1370	9471
n (%)	n (%)	n (%)	n (%)	n (%)	n (%)
Khu vực sinh sống					
Thành phố, thị xã, thị trấn	929 (30,8)	870 (29,3)	868 (41,1)	744 (54,3)	3411 (36,0)
Miền núi, nông thôn	2090 (69,2)	2101 (70,7)	1243 (58,9)	626 (45,7)	6060 (64,0)
Nhóm tuổi					
18-29	431 (14,3)	524 (17,6)	149 (7,1)	58 (4,2)	1162 (12,3)
30-39	1556 (51,5)	724 (24,4)	674 (31,9)	490 (35,8)	3444 (36,4)
40-49	865 (28,7)	1124 (37,8)	1065 (50,5)	682 (49,8)	3736 (39,4)
50-59	167 (5,5)	599 (20,2)	223 (10,6)	140 (10,2)	1129 (11,9)
Giới tính					
Nữ	3007 (99,6)	2413 (81,2)	1516 (71,8)	921 (67,2)	7857 (83,0)
Nam	12 (0,4)	558 (18,8)	595 (28,2)	449 (32,8)	1614 (17,0)
Dân tộc					
Kinh	1564 (51,8)	1741 (58,6)	1388 (65,8)	1001 (73,1)	5694 (60,1)
Khác	1455 (48,2)	1230 (41,4)	723 (34,2)	369 (26,9)	3777 (39,9)
Mắc bệnh mãn tính	242 (8)	373 (12,6)	299 (14,2)	219 (16)	1133 (12)

**Biểu đồ 1. Tỷ lệ % giáo viên nhận thông tin từ các nguồn và mức độ tin tưởng từ các nguồn thông tin nhận được**

Gần 2/3 giáo viên tham gia trả lời sống ở miền núi, và nông thôn. 3/4 giáo viên có độ tuổi từ 30-49. Nữ giới chiếm đa số (83%), trong đó ở cấp mầm non, giáo viên nữ là 99,6%. Gần 2/3 giáo viên là người kinh. 12% giáo viên hiện đang có ít nhất 1 bệnh mãn tính, tỷ lệ này cao nhất ở nhóm giáo viên cấp 3 và thấp nhất ở nhóm giáo viên mầm non.

Biểu đồ 1 cho thấy giáo viên nhận được thông tin phòng chống Covid-19 từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó nhiều nhất là từ cán bộ y tế, vô tuyến và báo điện tử/ xem trên internet. Có 1/2 giáo viên nhận được thông tin từ cán bộ y tế, hơn 3/4 giáo viên tin tưởng vào kênh này. Hơn 70% giáo viên nhận được thông tin qua truyền hình, khoảng một nửa giáo viên tin tưởng vào kênh này.

Bảng 2. Niềm tin và mức độ quan tâm của giáo viên các cấp về vắc xin Covid-19

Đặc điểm	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Tổng
n	3019	2971	2111	1370	9471
	n (%)	n (%)	n (%)	n (%)	n (%)
Vắc xin phòng Covid-19 là an toàn					
Đồng ý	2595 (98,6)	2555 (98,3)	1766 (97,9)	1106 (96,6)	8022 (98,1)
Không đồng ý	36 (1,4)	45 (1,7)	37 (2,1)	39 (3,4)	157 (1,9)
Không biết	388 (12,9)	371 (12,5)	308 (14,6)	225 (16,4)	1292 (13,6)
Tiêm vắc xin phòng Covid-19 giúp tránh mắc COVID-19	2692 (98,6)	2671 (98,4)	1893 (98,1)	1214 (97,5)	8470 (98,3)
Càng nhiều người tiêm vắc xin Covid-19 giúp ngăn chặn dịch nhanh hơn	2840 (99,4)	2842 (99,6)	2008 (99,3)	1298 (98,9)	8988 (99,4)
Có quan tâm, tìm hiểu về vắc xin Covid-19	2985 (98,9)	2936 (98,8)	2079 (98,5)	1349 (98,5)	9349 (98,7)
Có quan tâm đến mức độ an toàn của vắc xin	2444 (81,0)	2645 (89,0)	1915 (90,7)	1238 (90,4)	8242 (87,0)

Tỷ lệ có niềm tin vào tính an toàn của vắc xin, cũng như cho rằng tiêm vắc xin giúp phòng tránh bệnh Covid-19 cao (98,1%), tỷ lệ thấp nhất ở nhóm giáo viên cấp 3 (96,6%) và cao nhất ở nhóm giáo viên cấp 1 (98,6%). Gần

100% giáo viên ở các cấp cho rằng càng nhiều người tiêm vắc xin thì càng giúp việc ngăn chặn dịch nhanh hơn. 98,7% giáo viên quan tâm, tự tìm hiểu thông tin vắc xin Covid-19.

Bảng 3. Chấp nhận và lựa chọn vắc xin Covid-19

Đặc điểm/Cấp học	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Tổng
n	3019	2971	2111	1370	9471
	n (%)	n (%)	n (%)	n (%)	n (%)
Sẵn sàng tiêm vắc xin Covid-19					
Không	25 (0,8)	15 (0,5)	18 (0,9)	13 (0,9)	71 (0,7)
Có	2668 (88,4)	2636 (88,7)	1844 (87,4)	1151 (84,0)	8299 (87,6)
Chưa quyết định	326 (10,8)	320 (10,8)	249 (11,8)	206 (15,0)	1101 (11,6)
Tiêm loại vắc xin nào cũng được	1021 (33,8)	939 (31,6)	564 (26,7)	342 (25,0)	2866 (30,3)
Chấp nhận tiêm tại bất kì điểm tiêm chủng	1091 (36,1)	960 (32,3)	658 (31,2)	495 (36,1)	3204 (33,8)
Sẵn sàng tiêm phòng vắc xin Covid-19 do Việt Nam sản xuất	2566 (98,3)	2447 (97,2)	1657 (97,2)	957 (93,6)	7627 (97,1)

Hầu hết giáo viên các cấp đều sẵn sàng tiêm vắc xin Covid-19 (84,0% - 88,7%), cao nhất ở nhóm giáo viên cấp 2, mầm non và thấp nhất ở nhóm giáo viên cấp 3. Khoảng 2/3

giáo viên không quan trọng về loại vắc xin sẽ tiêm, địa điểm tiêm chủng. Gần như 100% giáo viên sẵn sàng tiêm vắc xin do Việt Nam sản xuất.

Bảng 4: Một số yếu tố liên quan đến chấp nhận tiêm vắc xin Covid-19

Đặc điểm	Tỷ lệ chấp nhận tiêm vắc xin (%)	OR	95% CI	p
Nhóm tuổi, nhóm so sánh: 18-29	82,3			
30-39	87,7	1,74	[1,41 - 2,14]	<0.0001
40-49	88,7	1,76	[1,43 - 2,17]	<0.0001
50-59	89,5	2,10	[1,58 - 2,78]	<0.0001
Giới tính, nhóm so sánh: Nữ	87,1			
Nam	90,3	1,33	[1,09 - 1,63]	0.005
Mắc bệnh mãn tính, nhóm so sánh: Có	77,1			
Không	89,1	2,40	[2,00 - 2,88]	<0.0001
Tin tưởng vắc xin Covid-19 an toàn, nhóm so sánh: Đồng ý	92,7			
Không đồng ý	58,6	0,17	[0,11 - 0,24]	<0.0001
Không biết	59,6	0,21	[0,18 - 0,25]	<0.0001
Tin rằng càng nhiều người tiêm, chiến dịch càng thành công, nhóm so sánh: Đồng ý	89,9			
Không đồng ý	58,9	0,42	[0,22 - 0,79]	0.009
Không biết	44,5	0,30	[0,24 - 0,38]	<0.0001

Mô hình hồi quy logistic cho thấy giáo viên thuộc độ tuổi trên 30 (30-39, 40-49, và 50-59) nhiều khả năng chấp nhận tiêm vắc xin hơn 2,1 lần, nhóm giáo viên có tuổi dưới 30 (18-29), trong đó nhóm giáo viên nhóm tuổi 50-59 có khả năng chấp nhận tiêm vắc xin cao nhất (OR=2,1, CI: 1,58 - 2,78, $p < 0,0001$). Tiếp đến là nhóm giáo viên độ tuổi 40-49, giáo viên thuộc nhóm tuổi này có khả năng chấp nhận cao hơn 1,76 lần nhóm giáo viên thuộc độ tuổi 18-29 (OR=1,76, CI: 1,43 - 2,17, $p < 0,0001$). Nhóm giáo viên có độ tuổi 30-39, có khả năng chấp nhận tiêm vắc xin cao hơn 1,74 lần nhóm giáo viên thuộc độ tuổi 18-29 (OR=1,74, CI: 1,41 - 2,14, $p < 0,0001$).

Nam giới dễ chấp nhận tiêm vắc xin Covid-19 hơn nữ giới. Giáo viên không mắc bệnh mãn tính dễ chấp nhận tiêm vắc xin Covid-19 gấp 2,4 lần so với nhóm giáo viên mắc ít nhất một bệnh mãn tính. Giáo viên có niềm tin vào sự an toàn của vắc xin Covid-19 có khả năng chấp nhận tiêm vắc xin cao hơn nhóm giáo viên không có niềm tin này. Tương tự, nhóm giáo viên tin càng nhiều người tiêm, chiến dịch càng thành công, nhóm giáo viên này có nhiều khả năng chấp nhận tiêm vắc xin cao hơn nhóm không đồng ý quan điểm trên.

BÀN LUẬN

Tỷ lệ rất cao (87,6%) giáo viên tại Tuyên Quang chấp nhận tiêm phòng vắc xin Covid-19, tỷ lệ chưa quyết định tiêm phòng vắc xin covid-19 là 11,6%. Tỷ lệ này cao hơn nghiên cứu của Unicef Việt Nam được thực hiện trên 38506 người thường đọc báo điện tử Vnexpress năm 2021 (67%) (9). So sánh với một số quốc gia trên thế giới, tỷ lệ này cao hơn một số quốc gia như Kuwait (23,6%), Jordan (28,4%), Italy (53,7%), Nga (54,9%), Phần Lan (56,3%), Mỹ (56,9%) và Pháp (58,9%), tuy nhiên thấp hơn một số quốc gia như: Ecuador (97,0%), Malaysia (94,3%), Indonesia (93,3%) và Trung Quốc (91,3%)

(3). Cũng cần lưu ý, tỷ lệ chấp nhận tiêm phòng vắc xin trên của các quốc gia được lấy mẫu đại diện cho mỗi quốc gia, trong khi tỷ lệ trong nghiên cứu này là của giáo viên giảng dạy cấp mầm non đến cấp III. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy bức tranh về tỷ lệ chấp nhận tiêm phòng vắc xin trong nhóm giáo viên rất cao, trong bối cảnh Việt Nam đang ứng phó với tỷ lệ lây nhiễm ngày càng tăng, cũng như triển khai chiến dịch tiêm phòng lớn nhất từ trước đến nay (2). Đặc điểm này cũng hoàn toàn phù hợp khi tỷ lệ chấp nhận tiêm chủng nói chung ở Việt Nam thuộc nhóm cao trên thế giới (10).

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy gần như toàn bộ giáo viên (98,7%) quan tâm đến thông tin về vắc xin Covid-19, không có sự khác biệt về tỷ lệ này ở giáo viên các cấp học. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp khi người dân và giáo viên nói riêng tại Tuyên Quang đang trải qua đại dịch lớn nhất hiện nay. Xu hướng chủ động tìm hiểu các vấn đề liên quan đến Covid-19 bao gồm các thông tin về vắc xin Covid-19. Trong thời đại công nghệ thông tin bùng nổ, thông tin không đầy đủ hoặc thiếu chính xác về vắc xin Covid-19 có thể dẫn đến sự chấp nhận khác nhau về việc chấp nhận tiêm vắc xin Covid-19 (11). Các kênh truyền thông giáo viên nhận được rất đa dạng, trong đó phổ biến nhất là từ cán bộ y tế, TV và nguồn tin điện tử trên internet. Điều đó cho thấy khi triển khai chương trình quốc gia về tiêm phòng vắc xin Covid-19 mà Việt Nam đang triển khai trong giai đoạn cao điểm hiện nay, cần chú trọng đến các kênh truyền thông phù hợp với nhóm giáo viên. Giáo viên cũng là một trong các nhóm ưu tiên được tiêm phòng vắc xin Covid-19 hiện nay (12). Nghiên cứu cũng chỉ ra sự tương đồng với các nghiên cứu khác tại Jordan và Mỹ, trong tiếp cận nguồn thông tin, cũng như tin tưởng vào các nguồn thông tin này (7, 8). Từ đó giúp Việt Nam nói chung và tỉnh Tuyên Quang nói riêng, có bằng chứng khoa

học trong tăng cường truyền thông về phòng chống Covid-19, chấp nhận vắc xin Covid-19 qua kênh cán bộ, nhân viên y tế, cũng như qua truyền hình đối với giáo viên.

Mô hình hồi quy logistic cho thấy các yếu tố liên quan đến sự chấp nhận tiêm phòng vắc xin Covid-19. Giáo viên lớn tuổi (trên 30 tuổi) có xu hướng chấp nhận vắc xin covid-19 hơn các giáo viên trẻ (dưới 30 tuổi), tỷ lệ này giao động từ 82,3% đến 89,5%. Kết quả này cũng phù hợp với các nghiên cứu khác trên thế giới (5, 8, 13) và phù hợp với nghiên cứu của Unicef Việt Nam. Tỷ lệ chấp nhận tiêm phòng vắc xin Covid19 trên các nhóm tuổi lần lượt là 69% (35-65 tuổi) và giảm 1% ở nhóm tuổi 18-34 (64%) (9). Đặc điểm này có thể giải thích về xu hướng quan tâm đến sức khỏe khi tuổi ngày càng tăng. Chính vì vậy, các chiến dịch truyền thông cần tập trung cho nhóm giáo viên trẻ tuổi.

Mô hình hồi quy cũng cho thấy sự khác biệt về giới trong chấp nhận tiêm phòng Covid-19. 90,3% nam giáo viên chấp nhận tiêm phòng vắc xin Covid-19, trong khi tỷ lệ này là 87,1% ở nữ giáo viên. Sự chênh lệch này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của Unicef Việt Nam, tỷ lệ nam giới và nữ giới sẵn sàng chấp nhận tiêm vắc xin Covid-19 lần lượt là 71% và 60% (9). Sự khác biệt về tỷ lệ giữa 2 giới, cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của Malik (8) và Di Gennaro (14). Điều này có thể giải thích do nam giới có suy nghĩ thoải mái hơn nữ giới trong các vấn đề sức khỏe, họ tự tin có sức khỏe tốt và không e ngại các vấn đề sức khỏe khi tiêm hơn nữ giới. Do đó, các chương trình truyền thông nên ưu tiên và tập trung hơn vào nữ giáo viên về tác dụng của vắc xin Covid-19.

Nghiên cứu cũng chỉ ra mối liên quan giữa giáo viên có mắc bệnh mãn tính với việc chấp nhận tiêm phòng vắc xin, tác giả Daly và Robinson (15) cũng cho thấy điểm tương tự như nghiên cứu của chúng tôi, tuy nhiên kết

quả nghiên cứu tổng quan của Robinson và Jones không chỉ ra mối liên quan này (16). Điều này có thể giải thích do lo lắng một số vấn đề sức khỏe gặp phải sau khi tiêm phòng vì các vắc phòng Covid-19 hiện nay hiện chỉ được cấp phép khẩn cấp và đều được tiếp tục theo dõi. Tuy nhiên, các nghiên cứu cũng như thông tin từ Bộ Y tế cho thấy việc tiêm vắc xin Covid-19 cho nhóm đối tượng này hoàn toàn bình thường. Người mắc bệnh mãn tính thuộc 1 trong các nhóm ưu tiên được tiêm phòng vắc xin Covid-19 ở Việt Nam (17). Chính vì vậy, chiến dịch truyền thông trong giai đoạn tới cần chú trọng đến nội dung truyền thông cho nhóm đối tượng đích này.

Các yếu tố liên quan khác đến chấp nhận tiêm phòng vắc xin Covid-19 bao gồm: (1) sự tin tưởng vào tính an toàn của vắc xin Covid-19, (2) niềm tin càng nhiều người tiêm vắc xin thì chiến dịch càng thành công. Điều này giúp khẳng định luận điểm, sự tin tưởng về tính an toàn, hiệu quả của vắc xin đóng vai trò quan trọng trong chấp nhận vắc xin Covid-19 (18). Điều này củng cố chiến lược truyền thông trong phòng chống Covid-19 nói chung, và tiêm phòng Covid-19 nói riêng cho giáo viên, cũng như người dân trên địa bàn. Chiến dịch truyền thông cũng như các giải pháp sắp tới giúp tăng tỷ lệ người dân sẵn sàng tiêm vắc xin Covid-19, là vũ khí quan trọng trong chiến dịch, bên cạnh các biện pháp 5K (19).

Hạn chế của nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện trong giai đoạn Việt Nam đang thực hiện giãn cách xã hội nên có thể có tính hướng 1 một giáo viên có thể trả lời 2 lần. Tuy nhiên để giảm thiểu vấn đề này, trong thư mời thông tin “mỗi giáo viên chỉ trả lời bộ câu hỏi 1 lần duy nhất” đã được nhấn mạnh trong thư mời và bộ câu hỏi. Ngoài ra, nghiên cứu này chưa thể hiện được các rào cản cho việc chấp nhận tiêm phòng vắc xin Covid-19. Để xác định được điều này, câu phần nghiên cứu định tính cần được bổ sung trong thiết kế nghiên cứu. Chính vì vậy, các nghiên cứu trong giai đoạn

tiếp theo cần khắc phục vấn đề này. Cuối cùng, việc mở rộng nghiên cứu trên các đối tượng khác là cần thiết giúp nhà lập kế hoạch có góc nhìn toàn diện về vấn đề này.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ chấp nhận tiêm vắc xin phòng COVID-19 trong giáo viên của tỉnh Tuyên Quang là 87,6%, số người chưa quyết định tại thời điểm nghiên cứu là 11,6% và số quyết định không tiêm rất thấp 0,8%. Tỷ lệ chấp nhận tiêm vắc xin Covid-19 của giáo viên ở các cấp học là tương đồng. Tỷ lệ giáo viên sẵn sàng tiêm vắc xin Covid-19 do Việt Nam sản xuất cao (97,1%).

Một số yếu tố liên quan đến chấp nhận tiêm vắc xin Covid-19 gồm: Giáo viên thuộc nhóm tuổi trên 30 có khả năng chấp nhận tiêm vắc xin cao hơn nhóm giáo viên tuổi dưới 30. Nam giáo viên có khả năng chấp nhận tiêm phòng vắc xin cao hơn nữ giới. Giáo viên hiện mắc bệnh mãn tính có ít khả năng chấp nhận tiêm phòng vắc xin hơn nhóm còn lại. Ngoài ra, niềm tin vào vắc xin Covid-19, tin tưởng vào sự thành công của chiến dịch khi có nhiều người cùng tiêm là các yếu tố liên quan đến sẵn sàng chấp nhận tiêm vắc xin Covid-19. Tuy nhiên, nghiên cứu sử dụng phương pháp cắt ngang, nên không khẳng định được mối liên quan giữa các yếu tố trên với tỷ lệ chấp nhận tiêm phòng vắc xin Covid-19.

Khuyến nghị: Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông về lợi ích của tiêm vắc xin, hiệu quả và cả những phản ứng có thể gặp phải khi tiêm vắc xin Covid-19 cho các giáo viên ở các cấp học. Tăng cường truyền thông cho giáo viên trẻ (dưới 30 tuổi), giáo viên nữ, cũng như giáo viên hiện đang có bệnh mãn tính về sự an toàn, hiệu quả phòng bệnh của vắc xin Covid-19. Đối tượng truyền thông là giáo viên thì kênh truyền thông hữu ích nhất là cán bộ y tế, truyền hình và internet.

Các nghiên cứu tiếp theo cần sử dụng các thiết kế nghiên cứu khác giúp khẳng định các yếu tố liên quan. Thêm vào đó, nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng trên các đối tượng khác, cũng như bổ sung câu phân định tính để làm rõ hơn các rào cản trong việc chấp nhận tiêm phòng vắc xin Covid-19.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WHO. WHO Coronavirus (COVID-19) Dashboard 2021 [10 July 2021]. Available from: <https://covid19.who.int/>.
2. Bộ Y tế. Trang tin về dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 2021 [10/07/2021]. Available from: <https://ncov.moh.gov.vn/>.
3. Sallam M. COVID-19 Vaccine Hesitancy Worldwide: A Concise Systematic Review of Vaccine Acceptance Rates. *Vaccines* (Basel). 2021;9(2).
4. Bộ Y tế. Cổng thông tin tiêm chủng COVID-19 2021 [Available from: https://moh.gov.vn/tin-noi-bat/-/asset_publisher/3Yst7YhbkA5j/content/hoi-nghi-truc-tuyen-ve-tien-o-trien-khai-chien-dich-tiem-chung-vaccine-phong-covid-19-toan-quoc].
5. Al-Mohaithef M, Padhi BK. Determinants of COVID-19 Vaccine Acceptance in Saudi Arabia: A Web-Based National Survey. *J Multidiscip Healthc*. 2020;13:1657-63.
6. Bongomin F, Olum R, Andia-Biraro I, Nakwagala FN, Hassan KH, Nassozi DR, et al. COVID-19 vaccine acceptance among high-risk populations in Uganda. *Therapeutic Advances in Infectious Disease*. 2021;8:20499361211024376.
7. El-Elimat T, AbuAlSamen MM, Almomani BA, Al-Sawalha NA, Alali FQ. Acceptance and attitudes toward COVID-19 vaccines: A cross-sectional study from Jordan. *PLOS ONE*. 2021;16(4):e0250555.
8. Malik AA, McFadden SM, Elharake J, Omer SB. Determinants of COVID-19 vaccine acceptance in the US. *EClinicalMedicine*. 2020;26:100495.
9. UNICEF Viet Nam. Summary report: online survey on behavioural and social drivers of Covid-19 vaccination. 2021.
10. WHO. Immunization coverage 2021 [12/09/2021]. Available from: <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/immunization-coverage>.
11. Cornwall W. Officials gird for a war on vaccine

- misinformation. Science (New York, NY). 2020;369(6499):14-5.
12. Bộ Y tế. 9 nhóm đối tượng ưu tiên và miễn phí tiêm vắc xin COVID-19 2021 [09/09/2021].
 13. Lazarus JV, Ratzan SC, Palayew A, Gostin LO, Larson HJ, Rabin K, et al. A global survey of potential acceptance of a COVID-19 vaccine. Nature Medicine. 2021;27(2):225-8.
 14. Di Gennaro F, Murri R, Segala FV, Cerruti L, Abdulle A, Saracino A, et al. Attitudes towards Anti-SARS-CoV2 Vaccination among Healthcare Workers: Results from a National Survey in Italy. Viruses. 2021;13(3).
 15. Daly M, Robinson E. Willingness to Vaccinate Against COVID-19 in the U.S.: Representative Longitudinal Evidence From April to October 2020. American journal of preventive medicine. 2021;60(6):766-73.
 16. Robinson E, Jones A, Lesser I, Daly M. International estimates of intended uptake and refusal of COVID-19 vaccines: A rapid systematic review and meta-analysis of large nationally representative samples. Vaccine. 2021;39(15):2024-34.
 17. Về việc thực hiện tiêm chủng vắc xin Covid-19 cho người mắc bệnh mãn tính, (2021).
 18. Daly M, Robinson E. Willingness to Vaccinate Against COVID-19 in the U.S.: Representative Longitudinal Evidence From April to October 2020. American journal of preventive medicine. 2021;60(6):766-73.
 19. Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang. Tiêm vắc xin có chắc chắn miễn nhiễm COVID-19? 2021 [08/09/2021].

Vaccine acceptance and related factors in teachers at Tuyen Quang province in 2021

Phạm Quốc Thanh¹, Phi Thị Hương Lien¹, Vu Chi Thanh², Ha Van Nhu¹

¹Hanoi University of Public Health

²Health education communication center - Department of Health of Tuyen Quang province

Objectives: To describe the vaccine acceptance and some related factors among teachers at Tuyen Quang province in 2021. **Methods:** A web-based cross-sectional survey with a convenient sample of 9471 teachers teaching at kindergarten to high school levels at Tuyen Quang province, with a refusal rate of 0.13%. Data were collected from 1 to 10 June 2021 and analysed by Stata 13.0. **Main findings:** 87.6% of the participants accepted to be vaccinated. Teachers aged above 30, male teachers, teachers without chronic diseases, or believing the vaccine are more likely to take Covid-19 vaccination. **Conclusion and suggestions:** Communication campaigns should be strengthened and focus on vaccination safety and effectiveness, young teachers, teachers with chronic diseases. The valuable communication channels are health staff, TV and the internet.

Keywords: *Acceptance of vaccination against COVID-19; teacher, Tuyen Quang province.*